

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2024

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Châu Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thắm

Bà Phạm Thị Lan

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Quách Thị Khuyến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường B - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 83/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Kim S, sinh năm 1974

HKTT: 522/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: 92/2, ấp G, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn:** Ông Phạm Văn C, sinh năm 1972

Địa chỉ: 522/2, ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Bà S và ông C vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 3 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Đỗ Thị Kim S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà S và ông C quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 năm và tự nguyện kết hôn, được UBND xã G, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/12/1999. Đây là hôn nhân lần thứ nhất của bà S. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình ông C sau đó mua đất xây nhà riêng tại ấp G, xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc, đầm ấm đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp

nhau về tính tình, bất đồng quan điểm. Ông C không lo lắng, quan tâm đến gia đình mà tính tình gia trưởng, ích kỷ, ghen tuông vô cớ nên kiếm chuyện chửi bới, xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm bà S. Mặt khác mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn thì ông C đập phá đồ đạc trong gia đình. Bà S đã khuyên can ông C nhiều lần nhưng ông C vẫn tính nết bất chấp. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên từ tháng 3 năm 2024 đến nay vợ chồng phải sống ly thân. Kể từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai, việc ai nấy làm, vợ chồng cũng không hàn gắn bàn bạc đoàn tụ.

Nay bà S xác định đã hết tình cảm với ông C, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn C.

Về con chung: Vợ chồng 03 (ba) con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 07/9/2000; Phạm An K, sinh ngày 25/9/2006; Phạm Đỗ Ngọc H, sinh ngày 18/10/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản: Bà Đỗ Thị Kim S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ riêng: Không có

Bị đơn – ông Phạm Văn C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cả nguyên đơn và bị đơn đều không đến tham dự (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do) nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- *Về nội dung vụ án:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị Kim S và ông Phạm Văn C được ly hôn.

+ Về con chung: Hiện ba con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

+ Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*Ly hôn*”.

Theo kết quả xác minh, hiện bị đơn đang cư trú tại xã G, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:* Tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt (nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt không rõ lý do). Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Đỗ Thị Kim S và ông Phạm Văn C tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/12/1999. Căn cứ Điều 5 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quan hệ hôn nhân của bà S và ông C là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, nhận thấy: Bà S xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, bà và ông C đã xảy ra mâu thuẫn, theo bà S trình bày thì mâu thuẫn vợ chồng là do ông C không lo lắng, quan tâm đến vợ con mà tính tình gia trưởng, kiểm chuyện chửi bới vợ con, ghen tuông vô cớ dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và phải sống ly thân từ tháng 3 năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải đề kêu gọi vợ chồng về đoàn tụ gia đình nhưng ông C đều không đến thể hiện việc ông C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà S.

Từ các phân tích trên, xét mâu thuẫn giữa bà S và ông C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:* Vợ chồng 03 (ba) con chung là Phạm Quốc T, sinh ngày 07/9/2000; Phạm An K, sinh ngày 25/9/2006; Phạm Đỗ Ngọc H, sinh ngày 18/10/2004. Hiện nay các con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Bà S xác định không có nợ chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; ông C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày; do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các đương sự không tự thỏa thuận và có yêu cầu thì được quyền liên hệ với Tòa án có thẩm quyền để khởi kiện bằng một vụ kiện khác về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Kim S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 238; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Đỗ Thị Kim S.

1. *Về hôn nhân:* Xử cho bà Đỗ Thị Kim S và ông Phạm Văn C được ly hôn.

2. *Về con chung:* Hiện con chung đã thành niên và có khả năng lao động.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Tòa án không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Bà Đỗ Thị Kim S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí S nộp án phí theo biên lai thu số 0007767 ngày 27 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Bà Đỗ Thị Kim S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Thống Nhất;
- CC THADS huyện Thống Nhất;
- UBND xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Châu Ngọc Hà